

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 0001

PHẦN I. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1: Để hiệu chỉnh màu sắc cho ảnh, trình tự nào sau đây là đúng?

Bước 1. Nháy Colors/Curves

Bước 2. Chọn đối tượng cần hiệu chỉnh (nháy Free Select)

Bước 3. Điều chỉnh dải cung để tăng/giảm cường độ của màu

Bước 4. Chọn màu cần hiệu chỉnh trong danh sách Channel

A. 1->2->3->4

B. 3->1->4->2

C. 2->1->4->3

D. 1->2->4->3

Câu 2: Để nhận được ảnh động với hiệu ứng có sẵn trong GIMP, trình tự nào sau đây là **đúng**?

Bước 1. Tạo dãy khung hình cho ảnh động và gán thời gian (nếu cần)

Bước 2. Chuẩn bị ảnh tĩnh cho ảnh động.

Bước 3. Xem trước ảnh động.

Bước 4. Xuất ảnh động.

A. 2->1->4->3

B. 2->1->3->4

C. 3->1->4->2

D. 1->2->3->4

Câu 3: Chọn phương án đúng điền vào chỗ chấm chấm (...):

Dùng phím hoặc dùng các thanh trượt dọc/ngang để di chuyển ảnh.

A. Move

B. Space

C. Fit Canvas to Layers

D. Zoom

Câu 4: Để khởi động phần mềm Animiz, ta nháy chuột vào biểu tượng?



Câu 5: Để thay đổi thời gian bắt đầu và kết thúc hiệu ứng của ảnh. Trong khung Timeline chọn hiệu ứng sau đó thực hiện:

A. Trỏ chuột vào cạnh trái -> chuột xuất hiện mũi tên hai chiều -> kéo thả đến điểm thời gian mong muốn

B. Kéo thả hiệu ứng đến vị trí mong muốn

C. Trỏ chuột vào cạnh trái hoặc phải-> chuột xuất hiện mũi tên hai chiều -> kéo thả đến điểm thời gian mong muốn

D. Trỏ chuột vào cạnh phải -> chuột xuất hiện mũi tên hai chiều -> kéo thả đến điểm thời gian mong muốn

Câu 6: Điền từ thích hợp vào chỗ (...):

“Việc loại bỏ một chi tiết trên ảnh bằng công cụ Clone làm lộ ra dấu vết ... của vùng ảnh bị tẩy xóa.

Cần sử dụng công cụ ... tô lên đường biên này để làm mờ...

A. tẩy xóa tại đường biên/ Healing/ vết tẩy xóa

B. healing/ tẩy xóa đường biên/ vết tẩy xóa

C. vết tẩy xóa/ tẩy xóa đường biên/ Healing

D. tẩy xóa đường biên/ vết tẩy xóa/Healing

Câu 7: Phát biểu nào sau đây là **đúng nhất** về biên tập âm thanh?

A. Để thực hiện biên tập âm thanh, nháy đúp chuột vào tệp âm thanh, xuất hiện cửa sổ Audio editor

B. Biên tập âm thanh là cắt bỏ một phần âm thanh

C. Biên tập âm thanh thường gồm: cắt bỏ một phần âm thanh, cắt tệp âm thanh thành nhiều đoạn rồi ghép các đoạn với nhau, căn chỉnh thời gian sao cho âm thanh khớp với hình ảnh khi hiển thị

D. Để chia tệp âm thanh thành nhiều đoạn, muốn cắt tệp âm thanh tại vị trí nào, ta nháy chuột tại vị trí đó và chọn Split

Câu 8: Các đối tượng chính trong Access là

A. Bảng, Macro, Môđun, Báo cáo

B. Bảng, Macro, Biểu mẫu, Mẫu hỏi

C. Bảng, Mẫu hỏi, Biểu mẫu, Báo cáo

D. Bảng, Macro, Biểu mẫu, Báo cáo

Câu 9: Trong Access, để mở CSDL đã lưu, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

A. File/open/<tên tệp CSDL>

B. Create Table in Design View

C. Create table by using wizard

D. File/new/Blank Database

Câu 10: Để nhập âm thanh vào dự án video, người dùng có thể sử dụng các định dạng tệp âm thanh nào?

A. GIF và PNG

B. WAV, WMA, FLAC

C. BMP và JPEG

D. MP4 và AVI

Câu 11: Để tạo một dự án video mới trong Animiz, ta thực hiện:

A. Chọn New Empty Project

B. Chọn Save Empty Project

C. Chọn Publish Project

D. Chọn New Video

Câu 12: Trong màn hình biên tập ảnh, nút lệnh  dùng để làm gì?

A. Di chuyển đối tượng xuống/lên

B. Xóa đối tượng

C. Thay đổi hiệu ứng của ảnh

D. Thay đổi khung thời gian cho hiệu ứng xuất hiện

Câu 13: Công cụ nào trong Toolbox dùng để cắt ảnh?

A. Move

B. Crop

C. Layer

D. Zoom

Câu 14: Sau khi chuẩn bị các ảnh tĩnh. Hãy chọn thứ tự thao tác đúng về tạo ảnh động .gif bằng hiệu ứng tự thiết kế?

1. Thay đổi thứ tự lớp trong bảng quản lí lớp Layers (nếu cần)

2. Xuất bản ảnh động .gif bằng lệnh File\Export As...

3. Mở tệp ảnh mới và tiếp tục mở các ảnh tĩnh bằng lệnh File\Open As Layers...

A. 3-2-1

B. 2-3-1

C. 1-2-3

D. 3-1-2

Câu 15: Sau khi đã thực nhập ảnh bằng lệnh Image trên thanh đối tượng. Để chỉnh sửa ảnh vừa khung Canvas ta thực hiện:

A. Nháy đúp chuột trên 8 nút hình vuông nhỏ bao quanh ảnh để điều chỉnh kích thước ảnh

B. Kéo thả chuột trên 8 nút hình vuông nhỏ bao quanh ảnh để điều chỉnh kích thước ảnh

C. Nháy chuột trên 8 nút hình vuông nhỏ bao quanh ảnh để điều chỉnh kích thước ảnh

D. Di chuyển chuột trên 8 nút hình vuông nhỏ bao quanh ảnh để điều chỉnh kích thước ảnh

Câu 16: Đối tượng nào trong giao diện chỉnh sửa video cho phép thêm hình ảnh vào dự án video?

A. Text

B. Sound

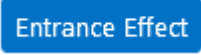
C. Image

D. Shape

Câu 17: CSDL sẽ giúp tổ chức nào sau đây tiết kiệm thời gian và tối ưu hóa quy trình kinh doanh?

- A. Trung tâm gia sư
B. Phòng trưng bày nghệ thuật
C. Công ty thiết kế thời trang
D. Công ty vận tải hàng hoá

Câu 18: Để chọn hiệu ứng biến mất cho phụ đề, ta thực hiện chọn lệnh:

- A.  Subtitle
B.  Exit Effect
C.  Entrance Effect
D.  Animation Duration

Câu 19: Phương án nào sau đây là **đúng**?

- A. Tất cả các cảnh trong một video chỉ được chọn duy nhất một hiệu ứng chuyển cảnh
B. Không thể thay đổi thời gian của hiệu ứng chuyển cảnh
C. Giữa hai cảnh chỉ có duy nhất một hiệu ứng chuyển cảnh
D. Một video không cho phép tạo nhiều cảnh

Câu 20: Phát biểu nào sau đây là Sai?

- A. Mỗi bảng có thể có nhiều khoá và có ít nhất 1 khoá.
B. Sau khi tạo cấu trúc bảng, ta có thể nhập dữ liệu cho bảng trực tiếp trong chế độ Design View.
C. Nếu không chỉ định khoá chính khi tạo cấu trúc bảng, MS Access sẽ tự thêm vào 1 trường có tên là ID, có kiểu là Autonumber và chỉ định làm khoá chính
D. Có thể chọn khoá chính cho bảng là khoá có nhiều hơn 1 trường

PHẦN II. Học sinh trả lời 2 câu hỏi. Trong mỗi ý a), b), c), d) học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 21: Tiến hành chỉnh sửa một bức ảnh trong GIMP, bạn Hưng muốn di chuyển một đối tượng trong ảnh.

Sau đây là một số nhận định:

- a. Công cụ Move Tool cho phép di chuyển lớp hoặc vùng chọn trong ảnh.
b. Để dùng Move Tool, ta nhấn phím tắt M hoặc chọn biểu tượng mũi tên bốn chiều.
c. Di chuyển ảnh là thao tác giúp thay đổi màu sắc của vùng chọn.
d. Sau khi di chuyển, bạn có thể sắp xếp lại các lớp để hình ảnh hợp lý hơn.

Câu 22: Khi tạo video bằng Animiz, bạn An muốn chèn một bức ảnh từ thư viện cá nhân.

Sau đây là một số nhận định:

- a. Có thể chèn ảnh từ máy tính vào Animiz bằng cách dùng nút “Add Image”.
b. Ảnh khi chèn vào Animiz sẽ tự động hiển thị ở giữa khung hình.
c. Ảnh chèn vào không thể thay đổi kích thước trong Animiz.
d. Có thể di chuyển, thay đổi kích thước, xoay ảnh trong khung cảnh video.

PHẦN III. Tự luận

Câu 23: Cho CSDL **QL_ĐIỂM** gồm hai bảng có cấu trúc như sau:

Bảng: **HỌC SINH**

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Ma_HS		Mã học sinh
Ho_ten		Họ và tên
Ngay_sinh		Ngày sinh
Gt		Giới tính

Bảng: **ĐIỂM**

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
SBD		Số báo danh
Ma_HS		Mã sinh viên
Anh		Điểm môn Anh
Tin		Điểm môn Tin

- Hãy chọn kiểu dữ liệu đúng cho các trường ở hai bảng trên? Chỉ ra khoá cho mỗi bảng ?
- Hãy tạo truy vấn đưa ra danh sách các học sinh tham dự kì thi gồm các thông tin: Mã học sinh, Họ và tên, Ngày sinh, Số báo danh; Trong đó họ và tên được sắp xếp theo thứ tự tăng dần ?
- Hãy tạo truy vấn hiển danh sách các học sinh nữ cùng với tổng điểm 2 môn Anh và Tin?

Lưu ý: Tạo truy vấn học sinh điền vào lưới thiết kế QBE sau:

Query1
— □ ×

Field:

Table:

Sort:

Show:

Criteria:

or:

----- **HẾT** -----

PHẦN I. PHẦN ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM

Mã đề Câu	0001	0002	0003	0004
1	C	A	C	B
2	B	D	B	D
3	B	C	B	C
4	D	B	C	D
5	C	A	C	D
6	A	B	C	D
7	C	D	A	A
8	C	D	B	C
9	A	C	A	D
10	B	D	A	D
11	A	D	C	C
12	A	B	A	A
13	B	A	B	C
14	D	D	B	C
15	B	B	A	B
16	C	C	A	B
17	D	B	A	C
18	B	A	B	C
19	C	C	B	C
20	B	D	A	A

PHẦN II. PHẦN ĐÁP ÁN ĐÚNG SAI

Mã đề: 0001, 0003

CÂU 21	a. Đ	b. Đ	c. S	d. Đ
CÂU 22	a. Đ	b. Đ	c. S	d. Đ

Mã đề: 0002, 0004

CÂU 21	a. Đ	b. S	c. Đ	d. Đ
CÂU 22	a. Đ	b. Đ	c. S	d. Đ

PHẦN III. PHẦN ĐÁP ÁN TỰ LUẬN

Mã đề: 0001, 0003

a.

- Chọn đúng KDL cho 2 bảng: 0,25đ
- Chỉ ra đúng khoá cho 2 bảng: 0,25đ (khoá của bảng HỌC SINH: Ma_HS, khoá của bảng ĐIỂM: SBD, Ma_HS)

b.

- Đúng nguồn dữ liệu: 0,25đ
- Tích đủ vào dòng show: 0,25đ
- Đúng, đủ tên trường theo yêu cầu (dòng Field): 0,25đ
- Đúng tên bảng (dòng Table): 0,25đ
- Có sắp xếp tăng dần tại trường Ho_ten: 0,25đ

c)

- Đúng nguồn dữ liệu và Tích đủ vào dòng show: 0,25đ
- Đúng, đủ tên trường theo yêu cầu (dòng Field): Ho_ten, gt, anh, tin: 0,25đ
- Đúng tên bảng (dòng Table): 0,25đ
- Thể hiện đúng tiêu chí lựa chọn tại trường GT: “nữ”: 0.25đ
- Tạo được thêm trường Tong: [Anh]+[Tin]: 0,25đ

Mã đề: 0002, 0004

a.

- Chọn đúng KDL cho 2 bảng: 0,25đ
- Chỉ ra đúng khoá cho 2 bảng: 0,25đ

b.

- Đúng nguồn dữ liệu: 0,25đ
- Tích đủ vào dòng show: 0,25đ
- Đúng, đủ tên trường theo yêu cầu (dòng Field): Ma_HS, Ho_ten, ngay_sinh, lop, toan, van: 0,25đ

c)

- Đúng nguồn dữ liệu và Tích đủ vào dòng show: 0,25đ
- Đúng, đủ tên trường theo yêu cầu (dòng Field): Ho_ten, Lop, Toan, Van: 0,25đ
- Đúng tên bảng (dòng Table): 0,25đ
- Thể hiện đúng tiêu chí lựa chọn tại trường “toán“ , “văn”: >8 (phép OR): 0,25đ
- Thể hiện đúng tiêu chí lựa chọn tại trường “lớp”: 11A1: 0,25đ